



輔英科技大學
Fooyin University

112學年度第二學期

保健營養系食品製造與安全管理國際學生 產學合作專班暨國際專修部(越南籍) 新生說明會

日期：2024年4月10日(三)
單位：國際暨兩岸事務處

氣質
elegance

關懷
caring

專業
profession

宏觀
vision

目錄／CONTENT

01

獎助學金 Học Bổng

02

居留證展延說明 Hướng dẫn gia hạn thẻ cư trú

03

工作許可證說明 Hướng dẫn đăng kí thẻ công việc

04

全民健康保險說明 Quy định về thẻ bảo hiểm y tế toàn dân

05

外國學生來台就學辦法 Phương pháp du học Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài

06

其他注意事項與規定 Những điều lệ và quy định cần chú ý

07

意見反映管道 Kênh phản hồi ý kiến

01

獎助學金及語言能力

Học bổng và năng lực ngôn ngữ



獎助學金(適用新南向專班)

學期	獎助學金及住宿費	申請資格
第一學期 Học kì đầu tiên	學校提供學雜費全免獎助學金及免住宿費 Trường trợ cấp 100% học bổng và phí KTX	1.外籍新生完成註冊程序時，即核定其獎助學金 Khi sinh viên nước ngoài khi hoàn tất quá trình đăng ký nhập học sẽ được cấp học bổng 2.學校提供全額住宿費補助，但須先繳交宿舍履約保證金 2,000 元，保證履行本校住宿住滿一學年為期之約定。 Trường học tài trợ toàn bộ chi phí kí túc xá, nhưng sinh viên phải đóng 2000 phí đảm bảo ở đủ 1 năm trong KTX
第二學期起至四年級下學期 Học kì thứ 2 đến học kì thứ 4	給予獎助學金新台幣 10,000 元，並得減免當學期校內住宿費 50%。 Trợ cấp 10000TWD, và giảm 50% Phí KTX của học kì đó	前一學期學業成績 60 分以上，且出席率(含實習)90%以上及操性成績 80 分以上，且無記過以上違規行為，且無欠繳學雜費者。 Thành tích của học kì trước đạt 60 điểm, tỉ lệ đi học đầy đủ (bao gồm cả khi thực tập) phải trên 90% và điểm hạnh kiểm phải trên 80 điểm. Và không được vi phạm kỷ luật, quy định của nhà trường, nợ học phí của trường

$$\text{出席率} = \frac{\text{實際出席堂數}}{\text{應該出席堂數}} \times 100\%$$

$$\text{tỉ lệ đi học} = \frac{\text{Số tiết có mặt thực tế}}{\text{Số tiết có mặt theo quy định}} \times 100\%$$

$$1 - [(22 \times 18) \times 90\%] = 39 (\text{堂 tiết})$$



無獎學金
Không có học bổng

獎助學金(適用國際專修部)

學期	獎助學金及住宿費	申請資格
華語課程期間兩學期 Thời gian học ngôn ngữ (2 học kì)	學校提供學雜費全免獎助學金及免住宿費 Trường cung cấp toàn bộ 100% học bổng và miễn toàn bộ phí kí túc xá	1.外籍新生完成註冊程序時，即核定其獎助學金 Khi sinh viên nước ngoài khi hoàn tất quá trình đăng ký nhập học sẽ được cấp học bổng 2.學校提供全額住宿費補助，但須 先繳交宿舍履約保證金 2,000 元，保證履行本校住宿住滿一學年為期之約定 Trường học tài trợ toàn bộ chi phí kí túc xá ,nhưng sinh viên phải đóng 2000 phí đảm bảo ở đủ 1 năm trong KTX
第一學年第二學期 Học kì thứ hai của năm nhất Đại học	學校提供學雜費全免獎助學金 Trường cung cấp toàn bộ 100% học phí	前一學期學業成績 60 分以上 ，且 出席率(含實習)90%以上 及操性成績 80 分以上 ，且無記過以上違規行為，且無欠繳學雜費者 Thành tích của học kì trước đạt 60 điểm ，tỉ lệ đi học đầy đủ (bao gồm cả khi thực tập) phải trên 90% và điểm hạnh kiểm phải trên 80 điểm .Và không được vi phạm kỷ luật ,quy định của nhà trường , hay nợ học phí của trường

語言能力(適用新南向專班)

依教育部規範，學生須於**一年級第二學期結束前**通過華語文能力測驗(TOCFL)A2(含)以上，如**未通過華語文能力 A2 級(含)以上測驗者**，則本校將逕予**退學**。

Theo quy định của Bộ Giáo dục, học sinh phải đạt TOCFL A2 trở lên (bao gồm A2) **trước học kỳ 1 của năm thứ nhất đại học**, nếu không đạt TOCFL A2 (bao gồm A2)trở lên, nhà trường sẽ trực tiếp làm thủ tục **thôi học** cho học sinh.

語言能力(適用國際專修部)

依教育部規範，學生須於**大學第一一年第一學期開學前**通過華語文能力測驗(TOCFL)A2(含)以上，如**未通過華語文能力 A2 級(含)以上測驗者**，則本校將逕予**退學並賠付5,7000**新台幣獎學金。

Theo quy định của Bộ Giáo dục, học sinh phải đạt TOCFL A2 trở lên (bao gồm A2) **trước học kỳ 1 của năm thứ nhất đại học**, nếu không đạt TOCFL A2 (bao gồm A2)trở lên, nhà trường sẽ trực tiếp làm thủ tục **thôi học** cho học sinh và buộc phải đền bù học bổng đã được cấp trước đó trị giá **57.000** Đài tệ.

02

居留證展延說明

Hướng dẫn gia hạn thẻ cư trú

業務承辦人:李琇苓老師



居留證展延办理流程



01

申請文件備妥

Giấy tờ cần chuẩn bị

- 1.護照 hộ chiếu
- 2.居留證正反面 thẻ cư trú (cả 2 mặt)
- 3.2吋大頭照1張 hình thẻ
- 4.在學證明(一個月內開立) giấy xác nhận là sinh viên của trường (được cấp trong thời hạn 1 tháng)



02

移民署審查(10天)/證件費

Cục di dân xét duyệt (10 ngày) / lệ phí

外國學生\$1000(1年)

Sinh viên nước ngoài 1000TWD / năm

僑生 \$500(1年)

Kiêu sinh 500 TWD / năm

申請文件備妥 01

審查通過/證件費 02

繳費方式 03

領證 04



03



繳費方式/
製證(三天)

Phương thức nộp tiền – làm thẻ
(3 ngày)

超商繳費 (手續費 \$8)-三天後 系統才會入帳
Nộp tiền tại các siêu thị tiện lợi (phí dịch vụ 8 TWD) sau 3 ngày mới vào tài khoản
ATM/信用卡-繳完費用直接製證
Nộp tiền bằng thẻ tín dụng – nộp xong lập tức làm thẻ

04



領證

phương thức lấy thẻ

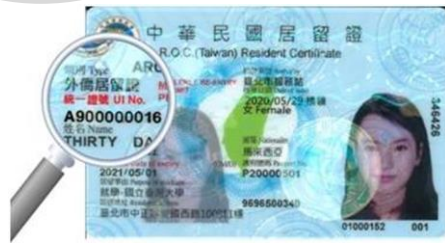
國際處至移民署代領 (首次)

自行領取

Lần đầu cô se lấy hộ

Những lần sau sẽ tự đi đến

Cục di dân để nhận thẻ





期屆滿前90日線上辦理展延

內政部移民署學生線上申辦系統 <https://coa.immigration.gov.tw/coa-frontend/student/entry>

Trang web gia hạn thẻ cư trú của cộng đồng dân

期屆滿前**90日**辦理展延 Đăng kí gia hạn trước 90 ngày trước khi hết hạn

舉例:居留期限為2025年1月31日，10月31日起線上辦理展延。Vd ngày hết hạn là 31/1/2025 thì 31/10/2024 có thể lên đăng kí gia hạn



逾期 **Quá hạn**
第 1 ~ 10 天

罰鍰 ngày phạt \$10,000

逾期 **Quá hạn**
第 11 ~ 30 天

罰鍰 ngày phạt \$20,000

逾期 **Quá hạn**
第 31 ~ 60 天

罰鍰 **\$30,000** 以上，須 **出境** 重新辦理簽證
ngày trở lên phạt \$30,000TWD trở lên và buộc phải
về nước làm lại visa

逾期 **Quá hạn**
第 61 ~ 90 天

罰鍰 **\$40,000** 以上，須 **出境** 重新辦理簽證
ngày trở lên phạt \$40,000TWD trở lên và buộc phải
về nước làm lại visa

Quá hạn trên 91 ngày
91 天 以上

罰鍰 \$40,000 以上，須出境重新辦理簽證
ngày trở lên phạt \$40,000TWD trở lên và buộc phải **về nước** làm lại visa

※若有地址變更請線上辦理(取證不用收費)

Nếu có thay đổi địa chỉ thì phải lên mang đăng kí thay đổi
(nhận thẻ không tốn phí)

03

工作許可證說明

Hướng dẫn đăng kí thẻ công việc

審核人員:李琰苓老師



工作許可證申請程序 Quy trình đăng kí thẻ đi làm

勞動部勞動力發展署-外國專業人員工作許可申辦網 <http://ezwp.wda.gov.tw/>
Trang web đăng kí thẻ đi làm của cục lao động

01 申請文件備妥

- 1.護照(照片頁) Hộ chiếu (Trang đầu có hình)
- 2.學生證正反面或在學證明(當學期)
Thẻ học sinh hoặc giấy xác nhận đang học tại trường của học kì đó
- 3.居留證正反面 Thẻ cư trú (cả 2 mặt)

02 \$費用 Nộp Phí

費用100元 (郵局劃撥/ATM/台灣PAY)
Phí 100TWD Nộp qua bưu điện hoặc thẻ tín dụng hoặc Taiwan pay

申請時間與期限 Thời gian đăng kí và thời hạn :

9月申請-10月1日~隔年3月31日

Tháng 9 đăng kí cho 01/10 đến 31/3 năm sau

3月申請-4月1日~9月30日

Tháng 3 đăng kí cho 01/04 đến 30/09

03 線上申請

- 1.新增申請案件 Đăng kí
- 2.填寫申請資料 Điền thông tin đăng kí
- 3.上傳文件 Tải file thông tin cần thiết
- 4.繳費 Nộp tiền
- 5.送學校審核 Nộp cho trường kiểm duyệt

04



學校審核
勞動部審核
Trường kiểm duyệt và Bộ Lao Động kiểm duyệt



審核通過

線上領取/郵寄學校

Thông qua kiểm duyệt có thể nhận thẻ công việc online hoặc gửi đến trường

打工重要規定(實習除外)

Những quy định quan trọng khi đi làm (không bao gồm thực tập)



工作時間除寒暑假外，**每星期最長為20小時**。(就業服務法第43條及第50條)

Ngoài các kì nghỉ đông hoặc nghỉ hè , Thời gian còn lại chỉ được đi làm tối đa **20** tiếng 1 tuần (theo điều 43 và 50 luật Làm việc)



未經許可在臺工作，應處新臺幣3萬元以上15萬元以下罰鍰，並即令其出國，不得再於我國境內工作；屆期不出國者，入出國管理機關得強制出國，於未出國前，入出國管理機關得收容之。(就業服務法第68條第1項、第3項及第4項規定)

Nếu không có thẻ công việc , sẽ bị phạt từ 3 vạn đến 15 vạn đài tệ , và bị buộc xuất cảnh , không được làm việc tại Đài Loan . Tới thời hạn nhưng chưa xuất cảnh sẽ bị cơ quan xuất nhập cảnh bắt buộc xuất cảnh , và trước khi xuất cảnh sẽ bị cơ quan xuất nhập cảnh sẽ tạm giữ .



如涉在臺非法工作，依本校學生獎懲規定，視情節予以處分

Nếu như bạn tham gia lao động bất hợp pháp , sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của nhà trường

04

全民健康保險說明

Quy định về Thẻ bảo hiểm y tế

業務承辦人:陳順明老師



全民健康保險

資格

拿到居留證後在臺居留滿6個月，且期間不可出境超過30天，出境次數以1次為限(倘有出境者，建議加保日則會異動；超過30天者，建議加保日則依入境日重新計算6個月)

Đủ 6 tháng sau khi nhận thẻ cư trú, trong thời gian 6 tháng không được rời khỏi quá 30 ngày

Số lần xuất cảnh được giới hạn một lần (nếu bạn đã xuất cảnh, ngày gia hạn bảo hiểm sẽ thay đổi, nếu quá 30 ngày thì nên ngày gia hạn sẽ tính lại 6 tháng tính từ ngày nhập cảnh)

\$4956/6個月

\$2478元/6個月(清寒僑生證明)

每年費用依據健保署公告調整

phí bảo hiểm mỗi năm sẽ thay đổi dựa theo Cục Bảo Hiểm

注意事項

在外打工，健保由公司承保

結束工作，請通知國際處健保轉入

Nếu như đi làm có công ty bảo lãnh đóng bảo hiểm thì khi kết thúc đi làm phải thông báo VPQT chuyển bảo hiểm về trường



05

外國學生來台就學辦法

Phương pháp du học Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài



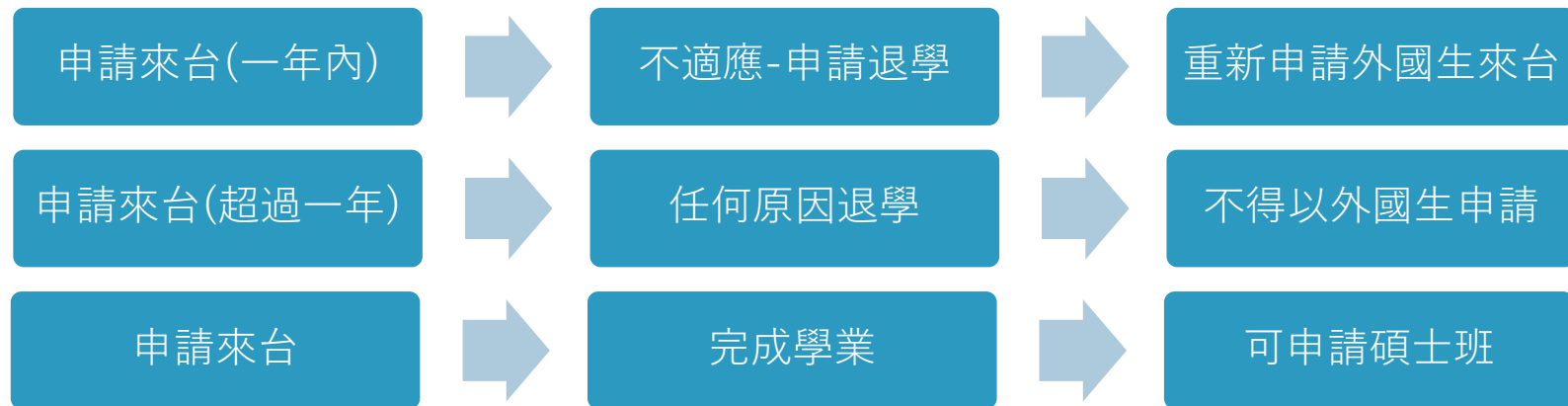
外國學生來台就學辦法



外國學生來台就學辦法



- 第4條
- 1 外國學生依前二條規定申請來臺就學，以一次為限；其繼續在臺就學者，入學方式應與我國內一般學生相同。但下列情形，不在此限：
 - 一、於完成申請就學學校學程後，申請碩士班以上學程，逕依各校規定辦理。
 - 二、外國學生申請來臺就讀學士班以下學程，在國內停留未滿一年，因故退學或喪失學籍，得重新申請來臺就學，並以一次為限。
 - 2 外國學生經入學學校以操行或學業成績不及格、違反法令或校規情節嚴重致遭退學或喪失學籍者，不得再依前項規定申請入學。



Phương pháp du học Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài

- Sinh viên nước ngoài đăng ký học tại Đài Loan theo quy định của hai điều trước, chỉ được giới hạn một lần, nếu tiếp tục sinh viên tiếp tục học thì phương thức nhập học đối với sinh viên hiện tại cũng giống như sinh viên trong nước. Ngoại trừ:
 1. Sau khi hoàn thành hồ sơ đăng ký chương trình học, đăng ký học chương trình thạc sĩ trở lên. Dựa theo quy định của từng trường
 2. Sinh viên nước ngoài đăng ký học chương trình cử nhân trở xuống và ở lại trong nước dưới một năm phải đăng ký lại để học tại Đài Loan do bỏ học hoặc mất tư cách sinh viên và việc này chỉ giới hạn được một lần.
- Du học sinh nước ngoài đăng ký vào trường do điểm hạnh kiểm hoặc thành tích không đạt, vi phạm nội quy của chùa hoặc trường, bị đuổi học hoặc mất tư cách học trong thời gian dài không được đăng ký nhập học theo quy định của Chính phủ



外國學生來台就學辦法

Phương pháp du học Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài

第6條

大專校院辦理外國學生招生事務，除宣傳推廣及協助學生辦理來臺相關必要程序外，不得委由校外機構、法人、團體或個人辦理；並應適時確認其是否向外國學生收取不合理之費用、成立借貸關係或其他違反相關法令之情形，必要時得向申請之外國學生查核。 Khi các trường cao đẳng và đại học xử lý các vấn đề tuyển sinh sinh viên nước ngoài, ngoại trừ việc công khai, quảng bá và hỗ trợ sinh viên các thủ tục cần thiết liên quan đến việc đến Đài Loan, họ không được phép ủy thác cho các tổ chức, pháp nhân, nhóm hoặc cá nhân bên ngoài xử lý các vấn đề; và họ phải xác nhận kịp thời cho dù họ tính phí bất hợp lý đối với sinh viên nước ngoài, thiết lập mối quan hệ cho vay hoặc các hành vi vi phạm pháp luật và quy định liên quan khác, người nộp đơn có thể bị sinh viên nước ngoài kiểm tra khi cần thiết.

來台就學請勿繳納不合理費用

Đăng kí du học vui lòng không đóng các khoản phí không hợp lý

外國學生來台就學辦法

Phương pháp du học Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài

第7-1條 外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，應由學校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。 Nếu hồ sơ nhập học do sinh viên nước ngoài nộp bị giả mạo, mượn hoặc thay đổi thì bằng cấp nhập học của họ sẽ bị thu hồi; những người đã đăng ký sẽ bị thu hồi tư cách sinh viên và không được cấp chứng chỉ học tập liên quan; nếu bị phát hiện sau khi tốt nghiệp, nhà trường sẽ thu hồi bằng tốt nghiệp và hủy giấy chứng nhận bằng tốt nghiệp.

入學證明文件不可造假，否則撤銷學籍或註銷學位證書

Giấy tờ nhập học không được giả mạo, nếu không tư cách sinh viên của bạn sẽ bị thu hồi hoặc chứng chỉ bằng cấp của bạn sẽ bị hủy.

第23條 外國學生有違反就業服務法之規定經查證屬實者，學校或相關主管機關應即依規定處理。 Nếu sinh viên nước ngoài vi phạm quy định của Luật Dịch vụ việc làm và được xác minh là đúng thì nhà trường hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan sẽ xử lý ngay hành vi vi phạm theo quy định.

不可違法工作

Nghiêm cấm đi làm bất hợp pháp

06

其他注意事項與規定

Các biện pháp phòng ngừa và quy định khác



其他注意事項與規定

Các biện pháp phòng ngừa và quy định khác



車禍糾紛要保持現場完整並通報**學校值班教官(0933608660)**與**警察(110)**，不要隨便離開現場，不然可能會被認為是**肇事逃逸**。

Nếu như xảy ra tai nạn giao thông , giữ nguyên hiện trường và liên lạc với cảnh sát 110 và nhà trường 0933608660 , không được rời khỏi hiện trường , nếu không sẽ bị quy thành tội gây tai nạn rồi bỏ chạy



若有欠政府的**罰金或稅款**，一定要繳清，不然可能會被通報**影響出境**。

Nếu có giấy phạt hoặc báo thuế từ chính phủ , nhất định phải nộp đầy đủ , nếu không sẽ bị thông báo ảnh hưởng đến việc xuất cảnh



請領各種保險金一定要有**確實發生**的事情及支出相關單據，如果沒有發生事情或用**假收據(fake receipt)**請款會被認為是**詐欺**。詐欺是犯罪行為

Khi đăng ký các quyền lợi bảo hiểm khác nhau, bạn phải có các sự kiện thực tế và tài liệu liên quan đến khoản phí , nếu không có chuyện gì xảy ra hoặc dùng biên lai giả để đòi tiền thì sẽ bị coi là gian lận. Và được coi là hành vi phạm tội

其他注意事項與規定

Các biện pháp phòng ngừa và quy định khác



打工地點不要在八大行業中（如酒廊、陪侍夜總會、舞廳、按摩、美容院、小吃部、夜店、三溫暖等），這些是臨檢重點，不適當工作內容可能會**觸犯社會秩序維護法**。

Không làm việc tại một trong tám ngành công nghiệp chính (như quán rượu, vũ trường, mát-xa, thẩm mỹ viện,, hộp đêm, phòng tắm hơi, v.v.). Đây là trọng điểm của các cuộc tuần tra. Nội dung công việc không phù hợp có thể vi phạm luật giữ gìn trật tự xã hội.



持有或吸食毒品都是犯罪行為，如果參與**製造、引誘販賣**或介紹別人購買則**刑責更重**。

Tàng trữ, sử dụng ma túy là hành vi phạm tội, nếu tham gia sản xuất, xúi giục bán hàng, giới thiệu người khác mua thì mức phạt sẽ nặng hơn.



偷竊偷東西在台灣是公訴罪，一但報案就不能撤銷，證據確定下**一定會被判刑**（台灣各超商賣場**都有監視器**，有拿物品一定要記得結帳）。

Trộm cắp là tội phạm bị truy tố công khai ở Đài Loan, một khi đã báo án thì không thể rút lại, một khi bằng chứng đã được xác nhận, chắc chắn sẽ bị kết án. (Mọi siêu thị ở Đài Loan đều có camera, nên các bạn nhớ thanh toán khi mua đồ).



07

意見反映管道

Kênh phản hồi ý kiến



意見反映管道

Channels for overseas students' views and inquiries

校內管道

Liên hệ với
trường

校外管道 liên hệ
ngoài trường

大寮警察局 Đồn cảnh sát Đại Liêu
(07) 781-6335

Outside the college/university: Daliao Police Station (07) 781-6335

境外生諮詢平台

Trang web tư vấn dành cho sinh
viên quốc tế

www.nisa.moe.gov.tw

Use the Overseas Student Inquiry window
at: www.nisa.moe.gov.tw

境外生
資訊專線

Đường dây nóng thông tin
dành cho sinh viên quốc tế

感謝各位聆聽

